

ĐỀ I: (có 2 trang)

Phần I: Khoanh tròn chữ cái đứng trước phương án trả lời em cho là đúng nhất (4,0 điểm)

Câu 1. Việc làm nào sau đây không đảm bảo quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm?

- A. Không sử dụng hoá chất đựng trong đồ chứa không có nhãn hoặc nhãn mờ.
- B. Đọc cẩn thận nhãn hoá chất trước khi sử dụng.
- C. Có thể dùng tay trực tiếp lấy hoá chất.
- D. Không được đặt lại thìa, panh vào lọ đựng hoá chất sau khi đã sử dụng.

Câu 2. Thiết bị đo cường độ dòng điện là.....

- A. vôn kế. B. ampe kế. C. biến trở. D. cầu chì ống.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây về khối lượng riêng là đúng?

- A. Khối lượng riêng của một chất là khối lượng của một đơn vị thể tích chất đó.
- B. Nói khối lượng riêng của sắt là 7800 kg/m^3 có nghĩa là 1 cm^3 sắt có khối lượng 7800 kg .
- C. Công thức tính khối lượng riêng là $D = m.V$.
- D. Khối lượng riêng bằng trọng lượng riêng.

Câu 4. Muốn đo khối lượng riêng của quả cầu bằng sắt người ta dùng những dụng cụ gì?

- A. Chỉ cần dùng một cái cân. B. Chỉ cần dùng một lực kế.
- C. Cần dùng một cái cân và bình chia độ. D. Chỉ cần dùng một bình chia độ.

Câu 5. Trong các cách tăng, giảm áp suất sau đây, cách nào là không đúng?

- A. Muốn tăng áp suất thì tăng áp lực, giảm diện tích bị ép.
- B. Muốn tăng áp suất thì giảm áp lực, tăng diện tích bị ép.
- C. Muốn giảm áp suất thì phải giảm áp lực, giữ nguyên diện tích bị ép.
- D. Muốn giảm áp suất thì phải giữ nguyên áp lực, tăng diện tích bị ép.

Câu 6. Hút bớt không khí trong một vỏ hộp đựng sữa bằng giấy, ta thấy vỏ hộp giấy bị bẹp lại là vì.....

- A. việc hút mạnh đã làm bẹp hộp.
- B. áp suất bên trong hộp tăng lên làm cho hộp bị biến dạng.
- C. áp suất bên trong hộp giảm, áp suất khí quyển ở bên ngoài hộp lớn hơn làm nó bẹp.
- D. khi hút mạnh làm yếu các thành hộp làm hộp bẹp đi.

Câu 7. Một vật ở trong nước chịu tác dụng của những lực nào?

- A. Lực đẩy Archimedes. B. Lực đẩy Archimedes và lực ma sát.
- C. Trọng lực. D. Trọng lực và lực đẩy Archimedes.

Câu 8. Dụng cụ nào sau đây không phải là ứng dụng của đòn bẩy?

- A. Dụng cụ khui nắp chai. B. Bấm giấy. C. Tua vít. D. Bập bênh.

Câu 9. Trong phản ứng: $\text{Iron} + \text{Sulfur} \rightarrow \text{Iron(II) sulfide}$. Iron(II) sulfide là.....

- A. môi trường B. xúc tác C. chất phản ứng D. chất sản phẩm

Câu 10. Trong $1,8 \text{ mol Fe}$ có bao nhiêu nguyên tử Fe?

- A. $10,5 \times 10^{23}$ nguyên tử B. $10,8 \times 10^{23}$ nguyên tử
- C. 11×10^{23} nguyên tử D. $1,8 \times 10^{23}$ nguyên tử

Câu 11. So với không khí, khí nào sau đây nặng nhất?

- A. CH_4 B. CO_2 C. N_2 D. H_2

Câu 12. Khối lượng H_2O_2 có trong 30 g dung dịch nồng độ 3% là

- A. 10 g B. 3 g C. $0,9 \text{ g}$ D. $0,1 \text{ g}$

Câu 13. Các hệ cơ quan nào sau đây tham gia vào việc điều khiển các hoạt động của cơ thể?

- A. Hệ bài tiết, hệ thần kinh và giác quan. B. Hệ nội tiết, hệ thần kinh và giác quan.
C. Hệ sinh dục, hệ thần kinh và giác quan. D. Hệ hô hấp, hệ thần kinh và giác quan.

Câu 14. Hệ vận động thực hiện các chức năng nào sau đây?

- A. Giúp trao đổi CO_2 và O_2 giữa cơ thể và môi trường.
B. Thu nhận, biến đổi thức ăn, hấp thụ chất dinh dưỡng và thải phân.
C. Giúp cơ thể vận động, bảo vệ các cơ quan quan trọng.
D. Giúp cơ thể bài tiết các chất thải, khí thải ra khỏi cơ thể.

Câu 15. Luyện tập thể dục thể thao giúp cho sự phát triển của cơ thể nói chung và của hệ vận động nói riêng đặc biệt là đối với các bạn đang trong giai đoạn dậy thì. Những biện pháp luyện tập nào sau đây giúp bảo vệ hệ vận động?

- (1). Luyện tập thể dục thể thao vừa sức.
(2). Luyện tập càng lâu càng tốt.
(3). Chọn môn thể thao phù hợp với mục đích và sức khỏe của mình.
(4). Luyện tập thường xuyên, đều độ.
(5). Kết hợp giữa luyện tập và dinh dưỡng để có kết quả tốt nhất.

- A. (2)(3)(4). B. (1)(2)(5). C. (1)(2)(4). D. (3)(4)(5).

Câu 16. Ở khoang miệng các cơ quan răng, lưỡi, tuyến nước bọt phối hợp hoạt động để.....

- A. tiết nước bọt, nghiền và đảo đều thức ăn giúp thức ăn ngấm đều nước bọt.
B. tiết nước bọt, nghiền và tiêu hoá thức ăn, đẩy thức ăn xuống thực quản.
C. tiết dịch vị, tiếp tục nghiền và đảo đều thức ăn, biến đổi tinh bột thành maltose.
D. tiết dịch tụy, tiếp tục làm nhuyễn thức ăn, biến đổi protein thành các chuỗi a.a ngắn.

Phần II: Trả lời câu hỏi và giải bài tập (6,0 điểm)

Câu 17.

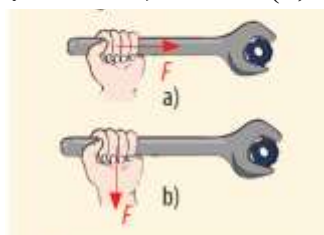
a/ Dựa vào đại lượng nào, người ta nói sắt nặng hơn nhôm? (0,5 điểm)

b/ Một người làm vườn cần đóng một chiếc cọc xuống đất. Hãy đề xuất phương án để có thể đóng được chiếc cọc xuống đất một cách dễ dàng. Giải thích. (0,5 điểm)

Câu 18.

a/ Tìm một số ví dụ chứng tỏ sự tồn tại của áp suất khí quyển và giải thích tại sao có hiện tượng đó? (1,0 điểm)

b/ Tác dụng cùng một lực F vào cờ lê theo hai cách như hình dưới. Cách nào có thể tháo lắp được bu lông, cách nào không tháo lắp được bu lông, vì sao? (1,0 điểm)



Câu 19.

a/ Tìm một số ví dụ về biến đổi vật lí và biến đổi hoá học. Giải thích về biến đổi đó? (0,75 điểm)

b/ Nồng độ mol là gì? Viết biểu thức tính nồng độ mol của dung dịch? (0,75 điểm)

Câu 20.

a/ Vì sao bệnh loãng xương lại nguy hiểm? Bệnh này gây hậu quả gì? Nêu các biện pháp giúp phòng bệnh loãng xương? (0,75 điểm)

b/ Vi khuẩn *Streptococcus Mutans* là vi khuẩn có sẵn trong răng miệng, khi có đường hoặc tinh bột sẽ bị chúng phân huỷ tạo môi trường acid, môi trường acid sẽ phá huỷ kết cấu men răng tạo ra các lỗ nhỏ trên răng dẫn đến sâu răng. Làm thế nào để phòng ngừa sâu răng? (0,75 điểm)

.....Hết.....

Đáp án và hướng dẫn chấm đề I:

Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	B	A	C	B	C	D	C	D	B	B	C	B	C	D	A

Câu	Đáp án	Điểm
17	Dựa vào khối lượng riêng hoặc trọng lượng riêng, người ta nói sắt nặng hơn nhôm.	0,5
	b/- Phương án để có thể đóng được chiếc cọc xuống đất một cách dễ dàng: Ta vót nhọn đầu chiếc cọc cắm xuống đất và sử dụng búa lớn đập vuông góc vào đầu còn lại của chiếc cọc.	0,25
	- Cách làm trên giúp đóng cọc xuống đất được dễ dàng do ta đã làm tăng áp lực và giảm diện tích bề mặt bị ép sẽ giúp áp suất của chiếc cọc tác dụng xuống đất được tăng lên nhiều lần.	0,25
18	a/ Một số ví dụ chứng tỏ sự tồn tại của áp suất khí quyển. Hút bớt không khí trong hộp sữa bằng giấy, ta thấy vỏ hộp bị bẹp theo nhiều phía.	0,5
	Giải thích: Khi hút bớt không khí trong hộp sữa, khi đó áp suất trong hộp sữa nhỏ hơn áp suất khí quyển bên ngoài hộp nên vỏ hộp sữa bị bẹp theo nhiều phía.	0,5
	b/ Cách ở hình a không tháo lắp được bu lông vì lực tác dụng song song giá trục quay và đi qua trục quay.	0,5
	Cách ở hình b có thể tháo lắp được bu lông vì có phương vuông góc với trục quay và không đi qua trục quay.	0,5
19	a/ - Biến đổi vật lí: thuỷ tinh nóng chảy được thổi thành bình cầu (Học sinh cho ví dụ khác, đúng, vẫn được điểm tối đa)	0,25
	- Biến đổi hoá học: Thức ăn bị ôi thiu (Học sinh cho ví dụ khác, đúng, vẫn được điểm tối đa)	0,25
	- Giải thích: biến đổi vật lí không có chất mới sinh ra, biến đổi hoá học có chất mới sinh ra	0,25
	b/ Nồng độ mol của một dung dịch cho biết số mol chất tan có trong 1lít dung dịch.	0,5
	Biểu thức tính nồng độ mol: $C_M = n_{ct} : V_{dd}$	0,25
20	Câu 20. a/ Bệnh loãng xương nguy hiểm vì bệnh diễn ra âm thầm, không có triệu chứng rõ ràng.	0,25
	Biện pháp: Nếu không phát hiện và chữa trị kịp thời có thể dẫn đến những hậu quả nặng nề như rạn xương, nứt xương, xẹp xương... người bị loãng xương rất dễ bị gãy xương.	0,25
	- Ăn uống đầy đủ chất đặc biệt là Ca, vitamin D, vitamin K - Thường xuyên luyện tập thể dục thể thao vừa sức.	0,25
	b./Biện pháp ngừa sâu răng: - Vệ sinh răng miệng đúng cách ít nhất 2 lần/ ngày.	0,25
	- Không ăn đồ ngọt trước khi đi ngủ.	0,25
	- Ăn uống đủ chất.	0,25
	- Khám răng định kì	0,25

ĐỀ II: (có 2 trang)

Phần I: Khoanh tròn chữ cái đứng trước phương án trả lời em cho là đúng nhất (4,0 điểm)

Câu 1. Thiết bị cung cấp điện là.....

- A. pin 1,5 V. B. ampe kế. C. vôn kế. D. công tắc.

Câu 2. Để lấy một lượng nhỏ dung dịch (khoảng 1 mL) thường dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Phễu lọc. B. Ống đong có mỏ. C. Ống nghiệm. D. Ống hút nhỏ giọt.

Câu 3. Điền vào chỗ trống: "Khi biết khối lượng riêng của một vật, ta có thể biết vật đó được cấu tạo bằng chất gì bằng cách đối chiếu với bảng ... của các chất."

- A. Khối lượng riêng. B. Trọng lượng riêng. C. Khối lượng. D. Thể tích.

Câu 4. Cho m, V lần lượt là khối lượng và thể tích của một vật. Biểu thức xác định khối lượng riêng của chất tạo thành vật đó có dạng nào sau đây?

- A. $D = m.V$. B. $D = \frac{m}{V}$. C. $D = \frac{V}{m}$. D. $d = m.V$

Câu 5. Người ta bắc một tấm ván qua chỗ đất lún để mọi người có thể đi qua. Việc làm đó nhằm.....

- A. giảm áp lực. B. giảm diện tích bị ép. C. tăng áp suất. D. giảm áp suất.

Câu 6. Điều nào sau đây đúng khi nói về áp suất chất lỏng?

- A. Chất lỏng gây áp suất theo mọi phương.
B. Áp suất tác dụng lên thành bình không phụ thuộc diện tích bị ép.
C. Áp suất gây ra do trọng lượng của chất lỏng tác dụng lên một điểm tỉ lệ nghịch với độ sâu.
D. Nếu cùng độ sâu thì áp suất như nhau trong mọi chất lỏng

Câu 7. Lực đẩy Archimedes phụ thuộc vào các yếu tố?

- A. Trọng lượng riêng của vật và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.
B. Trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của vật.
C. Trọng lượng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.
D. Trọng lượng riêng của chất lỏng và thể tích của phần chất lỏng bị vật chiếm chỗ.

Câu 8. Muốn đẩy một tảng đá lớn từ mặt đường xuống hố đất lớn nằm ở bên cạnh, ta thường sử dụng:

- A. Mặt phẳng nghiêng. B. Ròng rọc động. C. Ròng rọc cố định. D. Đòn bẩy.

Câu 9. Trong phản ứng: $\text{Iron} + \text{Sulphur} \rightarrow \text{Iron(II) sulfide}$. Iron là.....

- A. môi trường B. xúc tác C. chất phản ứng D. chất sản phẩm

Câu 10. Trong 1,3 mol Fe có bao nhiêu nguyên tử Fe?

- A. $10,5 \times 10^{23}$ nguyên tử B. $10,8 \times 10^{23}$ nguyên tử
C. 11×10^{23} nguyên tử D. $7,8 \times 10^{23}$ nguyên tử

Câu 11. So với không khí, khí nào sau đây nặng nhất?

- A. CH_4 B. Cl_2 C. N_2 D. H_2

Câu 12. Khối lượng H_2O_2 có trong 20 g dung dịch nồng độ 3% là

- A. 10 g B. 3 g C. 0,9 g D. 0,6 g

Câu 13. Cơ quan nào sau đây tham gia vào việc bài tiết các chất thải, chất dư thừa ra khỏi cơ thể?

- A. Da, khí quản, bàng quang B. Da, phổi, thận.
C. Bàng quang, tim, phổi. D. Tim, gan, phổi.

Câu 14. Chức năng giúp cơ thể vận động và bảo vệ các cơ quan quan trọng là của hệ cơ quan nào sau đây?

- A. Hệ tiêu hoá. B. Hệ hô hấp. C. Hệ vận động. D. Hệ thần kinh.

Câu 15. Luyện tập thể dục thể thao giúp cho sự phát triển của cơ thể nói chung và của hệ vận động nói riêng đặc biệt là đối với các bạn đang trong giai đoạn dậy thì. Những biện pháp luyện tập nào sau đây giúp bảo vệ hệ vận động?

- (1). Luyện tập thể dục thể thao vừa sức.
 - (2). Luyện tập càng lâu càng tốt.
 - (3). Chọn môn thể thao phù hợp với mục đích và sức khỏe của mình.
 - (4). Luyện tập thường xuyên, đều độ.
 - (5). Kết hợp giữa luyện tập và dinh dưỡng để có kết quả tốt nhất.
- A. (2)(3)(4). B. (1)(2)(5). C. (1)(2)(4). D. (3)(4)(5).

Câu 16. Ở dạ dày các cơ và tế bào tuyến thực hiện chức năng.....

- A. tiết dịch vị, co bóp để trộn và làm nhuyễn thức ăn, biến đổi protein thành các chuỗi a.a ngắn
- B. tiết nước bọt, nghiền và tiêu hoá thức ăn, vo thức ăn thành viên nhỏ và đẩy thức ăn xuống thực quản.
- C. tiết dịch tụy, tiếp tục nghiền và đảo đều thức ăn, biến đổi tinh bột thành maltose.
- D. tiết ruột, tiếp tục biến đổi tinh bột thành maltose, các chuỗi a.a ngắn thành các a.a.

Phần II: Trả lời câu hỏi và giải bài tập (6,0 điểm)

Câu 17.

- a/ Khối lượng riêng của một chất là gì? (0,5 điểm)
- b/ Để xe ô tô có thể vượt qua vùng đất sụt lún người ta thường làm như thế nào? Mô tả cách làm và giải thích. (0,5 điểm)

Câu 18.

- a/ Tìm một số ví dụ chứng tỏ sự tồn tại của áp suất khí quyển và giải thích tại sao có hiện tượng đó? (1,0 điểm)
- b/ Kim cộng lực là một dụng cụ dùng để cắt các đoạn sắt thép. Vì sao chúng có tay cầm dài hơn bình thường? (1,0 điểm)



Câu 19.

- a/ Khi đốt nến (làm bằng paraffin), nến chảy lỏng thấm vào bấc, nến lỏng hoá hơi rồi cháy trong không khí tạo thành khí carbon dioxide và hơi nước. Hãy chỉ ra giai đoạn nào của quá trình đốt nến xảy ra biến đổi vật lí, giai đoạn nào là biến đổi hoá học. Giải thích. (0,75 điểm)
- b/ Nồng độ phần trăm là gì? Viết biểu thức tính nồng độ phần trăm của dung dịch? (0,75 điểm)

Câu 20.

- a/ Vì sao bệnh loãng xương lại nguy hiểm? Bệnh này gây hậu quả gì? Nêu các biện pháp giúp phòng bệnh loãng xương? (0,75 điểm)
- b/ Vào mùa hè, thời tiết oi bức, mưa nhiều, đây là thời điểm các mầm bệnh sinh sôi, phát triển. Làm thế nào để phòng các bệnh tiêu hoá (đặc biệt trong mùa hè)? (0,75 điểm)

.....Hết.....

Đáp án và hướng dẫn chấm đề II:

Mỗi câu đúng được 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	A	D	A	C	D	A	D	D	C	D	B	D	B	C	D	A

Câu	Đáp án	Điểm
17	a/ Khối lượng riêng của một chất được xác định bằng khối lượng của một đơn vị thể tích chất đó.	0,5
	b/ Để xe ô tô có thể vượt qua vùng đất sụt lún người ta thường đặt tấm ván, thanh gỗ lên vùng đất đó để làm tăng diện tích bề mặt bị ép sẽ làm giảm áp suất của xe tác dụng lên vùng đất đó giúp xe có thể đi qua vùng đất sụt lún.	0,5
18	a/ Một số ví dụ chứng tỏ sự tồn tại của áp suất khí quyển: Gói bim bim phồng to, khi bóc ra bị xẹp.	0,5
	Giải thích: Khi bóc gói bim bim không khí thoát ra ngoài dẫn tới áp suất không khí bên ngoài lớn hơn áp suất không khí trong gói bim bim nên gói bim bim bị xẹp theo nhiều phía.	0,5
	b/ Kim cộng lực thường có tay cầm dài hơn bình thường nhằm tạo lực cắt lớn hơn.	0,5
	vì tác dụng làm quay của lực phụ thuộc vào độ lớn của lực tác dụng và cánh tay đòn.	0,5
19	a/ Các giai đoạn chảy lỏng, hoá hơi của nến là biến đổi vật lí, ở đây nến chỉ chuyển trạng thái từ rắn sang lỏng, lỏng sang hơi, không tạo chất mới. Giai đoạn hơi nến cháy là biến đổi hoá học, các chất mới là carbon dioxide và hơi nước được tạo thành	0,75
	b/ Nồng độ phần trăm của một dung dịch cho biết số gam chất tan có trong 100 gam dung dịch.	0,25
	Biểu thức tính nồng độ phần trăm: $C\% = m_{ct} : m_{dd} \cdot 100(\%)$	0,5
20	a/ Bệnh loãng xương nguy hiểm vì bệnh diễn ra âm thầm, không có triệu chứng rõ ràng.	0,25
	Nếu không phát hiện và chữa trị kịp thời có thể dẫn đến những hậu quả nặng nề như rạn xương, nứt xương, xẹp xương... người bị loãng xương rất dễ bị gãy xương.	0,25
	Biện pháp: - Ăn uống đầy đủ chất đặc biệt là Ca, vitamin D, vitamin K - Thường xuyên luyện tập thể dục thể thao vừa sức.	0,25
	b/ Biện pháp phòng bệnh tiêu hoá: - Vệ sinh ăn uống: Ăn chín uống sôi, bảo quản thức ăn đúng cách.	0,25
	- Vệ sinh cá nhân: Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.	0,25
	- Vệ sinh môi trường	0,25

Duyệt BGH

TTCM
Lê Thị Lệ ThiNgười ra đề
Nguyễn Tấn Hiệp
Trần Thị Dư
Trương Huỳnh Thị Thảo Vi